TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÓC MÔN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1581/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 26/11/2019
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Phương Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Mộng Nghi

2. Ông Dương Văn Quí

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Quỳnh Như – Thư ký tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên toà: Bà Phùng Thị Ngọc Duyên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 942/2019/TLST-HNGĐ ngày 30/7/2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 369/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 267/2019/QĐST-HNGĐ ngày 05/11/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị Kim Y (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã B, huyện H, TP. Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn*: Ông Phạm Hồng A (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện H, TP. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn bà Trần Thị Kim Y trình bày:

Bà Trần Thị Kim Y và ông Phạm Hồng A tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn ngày 10/5/2006 tại UBND xã B, huyện H, TP Hồ Chí Minh.

Giữa vợ chồng bà Y và ông A phát sinh nhiều mâu thuẫn từ khi mới về sống chung, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hay tranh cãi và xúc phạm nhau, vợ chồng không hòa hợp. Ông A không có trách nhiệm với vợ con, không phụ giúp bà Y về mặt kinh tế trong gia đình. Mỗi lần cãi nhau, ông A đều đánh bà Y . Bà Y nhiều lần khuyên nhủ ông A, cho ông A cơ hội sữa chữa khuyết điểm nhưng không có kết quả. Bà Y đã sống ly thân với ông A từ tháng 6/2019 đến nay. Nay bà Y nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và mỗi người đều có cuộc sống riêng nên bà Y yêu cầu ly hôn với ông A.

Về con chung: Bà Y và ông A có 01 con chung tên Phạm Trần Thảo N (sinh ngày

14/9/2007). Bà Y yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Nguyên, không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại trẻ Nguyên đang sống ổn định với bà Y .

Về nợ chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Bị đơn ông Phạm Hồng A vắng mặt, không cung cấp lời khai, không đưa ra ý kiến, yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, hòa giải và thời hạn gửi hồ sơ đến Viện kiểm sát, tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử áp dụng, tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim Y .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp ly hôn và bị đơn cư trú tại huyện Hóc Môn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo qui định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Toà án đã triệu tập, tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Kim Y và ông Phạm Hồng A chung sống với nhau có đăng ký kết hôn. Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 118, quyển số 01/2006, đăng ký ngày 10/5/2006 do UBND xã B, huyện H, TP. Hồ Chí Minh cấp thì đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Y và ông A là hôn nhân hợp pháp.

[5] Xét yêu cầu ly hôn của bà Y : Trong quá trình giải quyết vụ án, ông A không cung cấp lời khai, không giao nộp chứng cứ, không đưa ra ý kiến, yêu cầu nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bà Y để làm cơ sở giải quyết vụ án. Theo như lời khai của bà Y thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, bà Y và ông A sống ly thân từ tháng 06/2019 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng bà không có liên hệ với nhau, mỗi người đều sống cuộc sống riêng của mình. Hiện nay, bà Y vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông A. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập và thông báo về phiên hòa giải nhưng ông A vẫn không đến Tòa án tham gia hòa giải. Vì vậy, Tòa án không thể hòa giải để vợ chồng trở về sống chung với nhau. Hiện nay, bà Y vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông A. Từ đó, Hội đồng xét xử nhận định đời sống chung vợ chồng của bà Y và ông A đang ở trong tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể kéo dài. Do vậy Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận cho bà Y được ly hôn với ông A.

[6] Về con chung: Bà Y và ông A có 01 con chung tên Phạm Trần Thảo N (sinh ngày 14/9/2007). Hội đồng xét xử nhận định hiện nay trẻ N đang sống chung với bà Y

và việc giao con cho bà Y nuôi cũng phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Y không yêu cầu ông A cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử quyết định tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của ông A cho đến khi có yêu cầu.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng, bà Y chịu, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Danh mục án phí, lệ phí tòa án được ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Trần Thị Kim Y được ly hôn với ông Phạm Hồng A.

2. Về con chung: Giao con chung tên Phạm Trần Thảo N (sinh ngày 14/9/2007) cho bà Trần Thị Kim Y trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của ông Phạm Hồng A cho đến khi có yêu cầu.

Khi cần thiết, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Y phải nộp 300.000đồng án phí sơ thẩm và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng mà bà Y đã nộp theo biên lai số AA/2019/0004556 ngày 30/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Y đã nộp đủ án phí.

5. Về kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- Các đương sự;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- Chi cục THADS huyện Hóc Môn;
- UBND xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn;
- Lưu: hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Phương Nam